

Phụ lục 01
LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu
7	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
9	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
10	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
12	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
13	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Kinh tế (Phòng Kinh tế - Hạ tầng) thuộc UBND cấp huyện, thị xã, thành phố
14	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Kinh tế (Phòng Kinh tế - Hạ tầng) thuộc UBND cấp huyện, thị xã, thành phố.
II	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng
1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện
III	Lĩnh vực khí
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

Phụ lục 02
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1057/QĐ-UBND** ngày **06/4/2019** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực giáo dục đào tạo
1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục
2	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục
3	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở
5	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
6	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú
7	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục
8	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú
9	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú
10	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục
11	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
13	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học
14	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)
15	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng
16	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
17	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học
18	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
19	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
20	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
21	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại
22	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
23	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)
24	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở
25	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
26	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã
27	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu
28	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập
29	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non dân lập

30	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
31	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở
32	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở
33	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học
34	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn
35	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người
36	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo



Phụ lục 03
LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực đường thủy nội địa
01	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
02	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
03	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
04	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
05	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
06	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
07	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
08	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

Phụ lục 04

LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
II	Lĩnh vực thành lập và hoạt động hợp tác xã
1	Đăng ký hợp tác xã
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã
4	Đăng ký khi hợp tác xã chia
5	Đăng ký khi hợp tác xã tách
6	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
7	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)
19	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã
III	Lĩnh vực đấu thầu
1	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Phụ lục 05
LĨNH VỰC NỘI VỤ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập
01	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập
02	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập
03	Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
II	Lĩnh vực quản lý nhà nước quỹ xã hội, quỹ từ thiện
01	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ
02	Thủ tục quỹ tự giải thể
03	Thủ tục đổi tên quỹ
04	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ
05	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động
06	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
07	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ
08	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ
09	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
III	Lĩnh vực quản lý nhà nước về hội
01	Thủ tục thành lập hội
02	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội
03	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội
04	Thủ tục đổi tên hội
05	Thủ tục hội tự giải thể
06	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội
07	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội
IV	Lĩnh vực Tôn giáo
01	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo
02	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
03	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
04	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện
05	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện
06	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
07	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
08	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

V	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng
01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị
02	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến
03	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở
04	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến
05	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề
06	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất
07	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại
08	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình

Phụ lục 06

LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1257**/QĐ-UBND ngày **06/4/2019** của UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp
1	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư)
2	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư)
II	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)
4	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)
III	Lĩnh vực Thủy sản
1	Xác nhận đăng ký tàu cá (<i>Thủ tục hành chính cấp tỉnh phân cấp cho huyện giải quyết</i>)
IV	Lĩnh vực Thủy lợi
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp
2	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện
3	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)
5	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)
V	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
1	Hỗ trợ dự án liên kết

Phụ lục 07
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1257~~ **1257** QĐ-UBND ngày ~~26~~ **26** / ~~4~~ **4** / 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực quản lý công sản	
1	Mua quyền hóa đơn
2	Mua hóa đơn lẻ

Phụ lục 08

LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực đất đai
01	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
02	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
03	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân
04	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
05	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
06	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
07	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
08	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
09	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
10	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
11	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
12	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
13	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
14	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp Luật Đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
15	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
16	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận
17	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
18	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
19	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý

20	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
21	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận
22	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
23	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp
24	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
25	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
26	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
27	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
28	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
29	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
30	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
31	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất).
32	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai.
33	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận.
34	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu.
35	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký.
36	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn

	liên với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
37	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.
38	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở.
39	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.
II	Lĩnh vực môi trường
01	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
02	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản
III	Lĩnh vực tài nguyên nước
01	Đăng ký khai thác nước dưới đất
02	Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh

Phụ lục 09
LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1257/QĐ-UBND** ngày **26/9/2019** của UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực xuất bản	
01	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy
02	Thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy
II. Lĩnh vực phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	
01	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
02	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
03	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
04	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng



Phụ lục 10
LĨNH VỰC Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1257~~ **1257**/QĐ-UBND ngày ~~28/4~~ **28/4**/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014
2	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014
3	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền UBND huyện (B-BYT-258729-TT)
4	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền UBND huyện

Phụ lục 11
LĨNH VỰC TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1257** QĐ-UBND ngày **18/4/2019** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
I.	Lĩnh vực hộ tịch
01	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
02	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
03	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài
04	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
05	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
06	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
07	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc
08	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh, giám hộ, nhận cha, mẹ, con, xác định cha, mẹ, con, nuôi con nuôi, khai tử thay đổi hộ tịch).
09	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
10	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết ở nước ngoài
11	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
13	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài
14	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài
15	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
16	Cấp bản sao trích lục hộ tịch
II.	Lĩnh vực chứng thực
01	Cấp bản sao từ sổ gốc
02	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
03	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.
04	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)



05	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
06	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
07	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
08	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
09	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản
11	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản
12	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản